

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thùy Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Phạm Văn Thành**

2/ Bà **Phạm Ngọc Nhung**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Thái Học**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Sơn**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị **Trần Thị H**, sinh năm: 1987.

HKTT và nơi cư trú: tổ dân phố L, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn*: anh **Vũ Ngọc C**, sinh năm: 1984.

HKTT và nơi cư trú: ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H và anh C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai đối chất, nguyên đơn chị **Trần Thị H** trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện, chị **Trần Thị H** và anh **Vũ Ngọc C** tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào ngày 28/10/2009. Đây là hôn nhân lần đầu của cả hai anh chị. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về tiền bạc, không thống nhất trong việc sắp xếp nơi sinh sống và làm việc, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, từ đó dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng và đã sống ly thân từ ngày 30/9/2011 đến nay. Nay nhận thấy vợ chồng

không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hòa giải đoàn tụ, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh C.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Đình P, sinh ngày 12/03/2010 và cháu Vũ Kim N, sinh ngày 06/10/2011. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 2.500.000 đồng/cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: chị H trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai đối chất, bị đơn anh Vũ Ngọc C trình bày: Anh C thống nhất với trình bày của chị H về quá trình hôn nhân, con chung và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Giữa anh với gia đình chị H cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 30/9/2011. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh C đồng ý giao con chung là cháu Vũ Đình P, sinh ngày 12/03/2010 và cháu Vũ Kim N, sinh ngày 06/10/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.500.000 đồng/cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: anh C trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Về đường lối giải quyết: áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và các điều 85, 87, 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Trần Thị H ly hôn anh Vũ Ngọc C; về con chung: giao cháu Vũ Đình P, sinh ngày 12/03/2010 và cháu Vũ Kim N, sinh ngày 06/10/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 2.500.000 đồng/cháu; về tài sản chung và nợ chung: các đương sự khai không có, không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí sơ thẩm: theo quy định pháp luật.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với anh Vũ Ngọc C. Anh C có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại ấp

A, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Nên căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng chị H và anh C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Vũ Ngọc C tự nguyện chung sống và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào ngày 28/10/2009 nên xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Anh C và chị H chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh chị là do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về tiền bạc, không thống nhất trong việc sắp xếp nơi sinh sống và làm việc dẫn đến thường xuyên cãi vã và đã sống ly thân từ ngày 30/9/2011 đến nay nên anh chị thống nhất ly hôn. Từ lời trình bày của anh chị, Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở nên chấp nhận.

- Về con chung: Chị H và anh C đều thống nhất giao các cháu Vũ Đình P, sinh ngày 12/03/2010 và cháu Vũ Kim N, sinh ngày 06/10/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.500.000 đồng/cháu nên ghi nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh C đều khai không có và không ai yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 118 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ các Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Vũ Ngọc C.
2. Về con chung: Giao các cháu Vũ Đình P, sinh ngày 12/03/2010 và cháu Vũ Kim N, sinh ngày 06/10/2011 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vũ Ngọc C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.500.000 (*hai triệu năm trăm nghìn*) đồng/cháu. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng chị H đã nộp sang án phí theo biên lai thu tiền số 0001281 ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Vũ Ngọc C phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã S, huyện Cẩm Mỹ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trương Thị Thùy Trang